

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TM BÌNH MINH 68
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TM BÌNH MINH 68

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110583153

3. Ngày thành lập: 26/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Trung Tâm Thương Mại Thị Trấn Đông Anh, Tổ 3, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989141009

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; môi giới mua bán hàng hóa	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
25.	Lập trình máy vi tính	6201
26.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
27.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
28.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
29.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
30.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6810
31.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ hoạt động tư vấn mang tính pháp lý) (Điều 62 và Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820
32.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
33.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
34.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
43.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
44.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4774
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781

46.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
47.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
48.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
49.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
50.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
51.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
52.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
53.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
54.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
55.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
56.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
58.	Bốc xếp hàng hóa	5224
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
61.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
62.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
63.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
64.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
65.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
66.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
67.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
68.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
69.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
70.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
71.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
72.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
73.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
74.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
75.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

76.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
77.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
78.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
79.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
80.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
81.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
82.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN NGỌC	Việt Nam	Thôn Lễ Pháp, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam		40,000	001076021894	
2	LÊ THỊ CHÂM	Việt Nam	Xóm 2, Nghĩa Xá, Xã Xuân Ninh, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	1.200.000.000	60,000	030183003304	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* **Họ và tên:** NGUYỄN VĂN NGỌC **Giới tính:** Nam
Chức danh: Giám đốc
Sinh ngày: 13/02/1976 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001076021894
Ngày cấp: 24/07/2021 **Nơi cấp:** Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Địa chỉ thường trú: Thôn Lễ Pháp, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: Thôn Lễ Pháp, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội